TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 719/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C; nơi ĐKKHTT: Thôn ĐC, xã TM, huyện TL, thành phố H Phòng; nơi tạm trú: TT, TB, ĐB, Lãnh thổ Đài Loan. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H; nơi cư trú: Thôn ĐC, xã TM, huyện TL, thành phố H Phòng. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện TL, thành phố H Phòng vào ngày 09 tháng 09 năm 2009.

Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chung sống, chị và anh H có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở lên nghiêm trọng. Đến năm 2016, chị đi Đài Loan lao động. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Hiện tại, chị và anh H sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là: Phạm Minh V, sinh ngày 24/10/2011 và Phạm Minh N, sinh ngày 30/4/2015. Hiện tại các con chung đang ở với ông bà ngoại và chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh H.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh H về tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn H:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố H Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, toàn bộ các văn bản tố tụng khác cho anh Phạm Văn H theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đều không đến Tòa án và không có lời khai. Xác minh tại địa phương và tại gia đình anh H thể hiện: Anh H vẫn có hộ khẩu, sinh sống ở thôn ĐC, xã TM, huyện TL, thành phố H Phòng. Hàng ngày, anh H có đi làm ở huyện Kiến Thụy nhưng chỉ là tạm thời, gia đình và địa phương không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh H.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn H đều vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị C thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ , tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố H Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn H xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện TL, thành phố H Phòng vào ngày 09 tháng 09 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C. Về con chung: Giao con chung là Phạm Minh V, sinh ngày 24/10/2011 và Phạm Minh N, sinh ngày 30/4/2015 cho C nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị C xin tự giải quyết với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị C xin tự giải quyết với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Lãnh thổ Đài Loan), bị đơn anh Phạm Văn H sinh sống tại H Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố H Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn H đều vắng mặt, chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn H: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố H Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn H xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện TL, thành phố H Phòng vào ngày 09 tháng 09 năm 2009 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2016, chị C đi Đài Loan lao động. Chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng không tin tưởng vào nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị C.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn H có hai con chung là: Phạm Minh V, sinh ngày 24/10/2011 và Phạm Minh N, sinh ngày 30/4/2015. Hiện tại cả hai con chung đều ở với ông bà ngoại và chị C. Ly hôn, chị C đề nghị được nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị C xin tự giải quyết với anh H. Xét thấy, hiện nay con chung đang ở với ông bà ngoại và chị C, anh H không có quan điểm về việc nuôi con, nguyện vọng của con chung (cháu Phạm Minh V) và gia đình anh H đồng ý để chị C nuôi các con chung. Do đó, cần giao các con chung cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án Ca tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Phạm Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Minh V, sinh ngày 24/10/2011 và Phạm Minh N, sinh ngày 30/4/2015 cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng đến khi đủ

18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án Ca tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Phạm Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2010/3923 ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Phạm Văn H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP H Phòng;
- Cục THADS TP H Phòng;
- UBND xã TM, huyện TL, thành phố H Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyến